

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LONG AN



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

LỚP: TA.TC.CNO.1.23

Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

Khóa đào tạo: KHÓA 23

Thời gian đào tạo: 2 năm (2023 – 2025)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở

Long An
tháng 7/2023

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Tên ngành: Công nghệ ô tô;

Mã ngành: **5510216**

2. Trình độ đào tạo: Trung cấp

3. Hình thức đào tạo: Chính quy; Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở

Thời gian đào tạo: 2 năm

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung:

Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề Công nghệ ô tô tương ứng với trình độ trung cấp; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

4.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

4.2.2. Kỹ năng:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;
- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;
- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;
- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn;
- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

4.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;
- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

4.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa không khí ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo

5. Khóa Đào tạo: 2023 Lớp: TA.TC.CNO.1.23 Niên khóa: 2023 – 2025

6. Thời gian đào tạo: 2 năm (từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2025)

7. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng là 14 tuần

8. Quyết định phê duyệt chương trình: Ban hành kèm theo Quyết định số 404a/QĐ-TCĐLA của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Long An

II. Phân bổ thời gian học tập:

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | Kế hoạch giảng dạy | | | |
|-----------------|---|---------------|----------------------------------|--------------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | | Năm 1 | | Năm 2 | |
| | | | | Học kỳ 1 | Học kỳ 2 | Học kỳ 3 | Học kỳ 4 |
| I | Các môn học chung | 12 | 255 | | | | |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 2 | 30 | | 30 | | |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 15 | 15 | | | |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 30 | | | |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng và An ninh | 2 | 45 | | | 45 | |
| MH 05 | Tin học | 2 | 45 | 45 | | | |
| MH 06 | Tiếng Anh | 4 | 90 | 90 | | | |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề | 74 | 1745 | | | | |
| II.1 | Môn học, mô đun cơ sở | 17 | 300 | | | | |
| MH 07 | An toàn lao động | 2 | 30 | 30 | | | |
| MH 08 | Vẽ kỹ thuật | 4 | 60 | 60 | | | |
| MH 09 | Dung sai, lắp ghép và đo lường kỹ thuật | 3 | 45 | | 45 | | |
| MH 10 | Điện - Điện tử cơ bản | 3 | 45 | | 45 | | |
| MĐ 11 | Gia công nguội cơ bản | 2 | 45 | 45 | | | |
| MĐ 12 | Hàn cơ bản | 3 | 75 | | 75 | | |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề | 57 | 1445 | | | | |
| MH 13 | Kỹ thuật chung về ô tô | 2 | 45 | 45 | | | |
| MĐ 14 | Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ | 3 | 60 | 60 | | | |
| MĐ 15 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí | 3 | 60 | 60 | | | |
| MĐ 16 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát | 2 | 45 | | 45 | | |
| MĐ 17 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí | 2 | 45 | | 45 | | |
| MĐ 18 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel | 4 | 90 | | 90 | | |
| MĐ 19 | Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô 1 | 3 | 75 | | 75 | | |
| MĐ 20 | Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô 2 | 3 | 75 | | | 75 | |
| MĐ 21 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng - đánh lửa điện tử | 4 | 90 | | | 90 | |
| MĐ 22 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực | 3 | 75 | | 75 | | |
| MĐ 23 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển | 3 | 60 | | | 60 | |
| MĐ 24 | Kỹ thuật lái ô tô | 2 | 45 | | | 45 | |
| MĐ 25 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái | 3 | 60 | | | 60 | |
| MĐ 26 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh | 3 | 60 | | | 60 | |
| MĐ 27 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hoà không khí trên ô tô | 3 | 75 | | | 75 | |
| MĐ 28 | Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô | 3 | 75 | | | | 75 |
| MĐ 29 | Kỹ thuật đồng sơn | 4 | 90 | | | | 90 |

| | | | | | | | |
|-------|-----------------------------|-----------|-------------|------------|------------|------------|------------|
| MĐ 30 | Thực tập tại cơ sở sản xuất | 7 | 320 | | | | 320 |
| | Tổng | 86 | 2000 | 480 | 525 | 510 | 485 |

III. Hướng dẫn sử dụng chương trình

1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo quy định.

2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

| STT | Nội dung hoạt động ngoại khóa | Thời gian (giờ) | Tổ chức thực hiện |
|-----|--|-----------------|--|
| 1 | Giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ | 45 | - Sinh hoạt chính trị đầu khóa - Tiết sinh hoạt chủ nhiệm - Các buổi sinh hoạt chuyên đề |
| 2 | Xanh hóa GDNN | 30 | Chiều thứ 6 hàng tuần |
| 3 | Quyền con người | | Thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN |
| 4 | Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN | | |

3. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun:

Thi kết thúc môn học, mô đun được hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết chuyên môn và môn thi thực hành.

| STT | Môn thi | Hình thức thi | Thời gian thi |
|-----|---|--|------------------------|
| 1 | Lý thuyết chuyên môn: MH 08, MH 09, MĐ 13 đến MĐ 29 | Viết, trắc nghiệm | Không quá 120 phút |
| 2 | Thực hành: MĐ 13 đến MĐ 28 | Làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thành một sản phẩm hoặc một phần sản phẩm | Thời gian thi 240 phút |

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG
Đã ký